

Bản án số: 32/2021/HS-ST  
Ngày 28 tháng 10 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN - TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Hà Minh Hằng.

2- Bà Đoàn Hồng Vân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Chí Trung- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm phiên tòa số: 03/2021/TB-TA ngày 17 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/HSST-QĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm phiên tòa số: 05/2021/TB-TA ngày 20 tháng 10 năm 2021, đối với các bị cáo:

1- Trương Thị L, sinh năm 1978; tại: huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp H, xã N.Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Minh T và bà: Lê Thị T (đều đã chết); chồng: Lê Hoàng Đ (chết) và con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/3/2021 cho đến nay (có mặt).

***- Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị L:*** Bà Nguyễn Thị Khoa, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2- Đặng Văn Đ, sinh năm 1977; tại: huyện C, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp N, xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Ngư phủ; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn H (chết) và bà: Trần Thị P, sinh năm 1959; vợ: Cao Thị Thúy O, sinh năm 1977 và con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/3/2021 cho đến nay (có mặt).

3- Võ Văn H (tên gọi khác T), sinh năm 1980; tại: huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp N, xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Văn H, sinh năm 1954 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/3/2021 cho đến nay (có mặt).

4- Trương Văn Hải E (tên gọi khác T), sinh năm 1988; tại: huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp H, xã N.Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn H, sinh năm 1964 và bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/3/2021 cho đến nay (có mặt).

5- Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; tại: huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp H, xã N.Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L (chết) và bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1947; vợ: Lê Thị N, sinh năm 1970; con: 03 người lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/3/2021 cho đến nay (có mặt).

6- Đặng Thị Y (tên gọi khác Y), sinh năm 1994; tại: huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp R, xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn C, sinh năm 1965 và bà: Trần Thị Đ, sinh năm 1966; chồng: Nguyễn Xuân K, sinh năm 1995; con: 01 người, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/3/2021 cho đến nay (có mặt).

7- Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1996; tại: huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp H, xã N.Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Ngư phủ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1976 và bà: Lê Thị Hồng Y, sinh

năm 1975; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/3/2021 cho đến nay (có mặt).

8- Trần Văn Đ, sinh năm 1951; tại: huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp H, xã N.Y, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Biết đọc, biết viết; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn B (chết) và bà: Nguyễn Thị B (chết); vợ: Trần Thị G (chết) và con: 08 người, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/3/2021 (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 08/02/2021, Võ Văn H, Nguyễn Văn Đ, Đặng Văn Đ, Trương Văn Hải E, Đặng Thị Y, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T đến nhà của Trương Thị L tại ấp Hai Trong, xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đánh bạc. Tại đây, Trương Thị L cung cấp chiếu và 02 bộ bài tây cho Võ Văn H, Nguyễn Văn Đ, Đặng Văn Đ, Trương Văn Hải E, Đặng Thị Y, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T tham gia đánh bạc, hình thức bình xập xám ăn thua bằng tiền. Cách tính mỗi tụ 13 lá xấp thành 3 chi, chi thứ nhất 3 lá, chi thứ hai và chi thứ ba mỗi chi 5 lá; mỗi người làm cái 1 vòng, 4 người trực tiếp cầm so bài ăn thua với nhau mỗi bàn 100.000đ, còn lại bắt cược mỗi bàn 50.000đ. Mỗi người cầm cái 3 bàn xay vòng rồi thay bài và Trương Thị L thu của mỗi người là 10.000đ. Khi đi đánh bạc Võ Văn H mang theo 12.000.000đ, sử dụng đánh bạc thắng 390.000đ; Nguyễn Văn Đ mang theo 737.000đ, sử dụng đánh bạc thắng 50.000đ; Đặng Văn Đ mang theo 11.563.000đ, sử dụng đánh bạc thắng 4.900.000đ; Đặng Thị Y mang theo 3.002.000đ, sử dụng đánh bạc thua 100.000đ; Trần Văn Đ mang theo 661.000đ, sử dụng đánh bạc thua 100.000đ; Trương Văn Hải E mang theo 2.030.000đ, sử dụng đánh bạc thua 500.000đ; Nguyễn Văn T mang theo 600.000đ để sử dụng đánh bạc, khi Công an đến chạy thoát và không có thắng, thua. Các bị cáo tham gia đánh bạc cho đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 3.400.000đ và thu trong người của Võ Văn H 12.390.000đ, Nguyễn Văn Đ 787.000đ, Đặng Văn Đ 16.463.000đ, Đặng Thị Y 2.902.000đ, Trần Văn Đ 561.000đ, Trương Văn Hải E 1.530.000đ.

Vật chứng của vụ án thu giữ gồm: 01 chiếc chiếu đã củ dùng để ngồi đánh bạc, 52 lá bài tây đã qua sử dụng và 01 bộ bài tây chưa sử dụng, 06 chiếc dép các loại và số tiền 38.033.000đ để sử dụng đánh bạc.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 chiếc chiếu đã củ dùng để ngồi đánh bạc, 52 lá bài tây đã qua sử dụng và 01 bộ bài tây chưa sử dụng, 06 chiếc dép các loại.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền dùng để đánh bạc đã thu giữ được tổng cộng là 38.033.000đ. Trong đó, thu trên chiếu bạc 3.400.000đ và số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 34.633.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, các bị cáo tỏ ra biết ăn năn, hối cải, nhìn nhận sai trái và hứa sau này sống tốt và tuân thủ pháp luật và đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

Tại bản Cáo trạng số: 23/CT-VKS-HS, ngày 08/7/2021 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Trương Thị L, Võ Văn H, Nguyễn Văn Đ, Đặng Văn Đ, Trương Văn Hải E, Đặng Thị Y, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trương Thị L, Võ Văn H, Nguyễn Văn Đ, Đặng Văn Đ, Trương Văn Hải E, Đặng Thị Y, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trương Thị L, Đặng Văn Đ, Võ Văn H, Trương Văn Hải E, Nguyễn Văn T, Đặng Thị Y, Nguyễn Văn Đ và Trần Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt các bị cáo:

- Trương Thị L, Đặng Văn Đ và Võ Văn H mỗi bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

- Trương Văn Hải E và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt các bị cáo:

- Đặng Thị Y từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, o, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ

luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Trần Văn Đ từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập: Xét thấy các bị cáo Trương Thị L, Đặng Văn Đ, Võ Văn H, Trương Văn Hải E, Nguyễn Văn T, Đặng Thị Y, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn Đ không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên xử:

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 chiếc chiếu đã củ dùng để ngồi đánh bạc, 52 lá bài tây đã qua sử dụng và 01 bộ bài tây chưa sử dụng, 06 chiếc dép các loại.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền dùng để đánh bạc đã thu giữ được tổng cộng là 38.033.000đ.

Buộc Nguyễn Văn T nộp lại số tiền dùng để đánh bạc 600.000đ.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trương Thị L: Thống nhất với bản Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát về tội danh và áp dụng điều luật đối với bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử cần căn nhắc về nhân thân của bị cáo mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo 18 tháng cải tạo không giam giữ cũng đủ cho bị cáo tự cải tạo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng:*

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Luật sư, các bị cáo không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo:* Để có tiền tiêu xài nên Trương Thị L dùng nhà của mình ở ấp H, xã N.Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang rồi cung cấp bài và chiếu để cho nhiều người tham gia đánh bạc bằng hình thức binh xập xám ăn tiền mỗi bàn từ 100.000đ đến 200.000đ và thu tiền xâu được 40.000đ (chưa lấy tiền). Khi đi đánh bạc Võ Văn H mang theo 12.000.000đ và thắng được 390.000đ, Đặng Văn Đ mang theo 11.563.000đ và thắng được 4.900.000đ, Nguyễn Văn Đ mang theo 737.000đ và thắng 50.000đ, Đặng Thị Y mang theo 3.002.000đ và thua 100.000đ, Trương Văn Hải E mang theo 2.030.000đ và thua 500.000đ, Trần Văn Đ mang theo 661.000đ và thua 100.000đ, Nguyễn Văn T mang theo 600.000đ không thắng, không thua.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo Trương Thị L, Võ Văn H, Nguyễn Văn Đ, Đặng Văn Đ, Trương Văn Hải E, Đặng Thị Y, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T về tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì, các bị cáo đã nhận thức được việc đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo lại xem thường pháp luật để thực hiện hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội mà còn dư luận xấu trong nhân dân.

Tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Trương Thị L, dùng nhà của mình, chiếu và bài để cho nhiều người tham gia đánh bạc ăn tiền để lấy xâu nhằm thu lợi bất chính số tiền 40.000đ (nhưng chưa lấy tiền). Do đó bị cáo phải chịu vai trò chính trong vụ án.

Đối với các bị cáo Đặng Văn Đ, Võ Văn H, Trương Văn Hải E, Nguyễn Văn T là người trực tiếp đánh bạc ngồi tụ, soa bài ăn tiền mỗi bàn từ 100.000đ đến 200.000đ nên các bị cáo phải chịu vai trò đồng phạm thứ hai trong vụ án. Đồng thời cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo Đặng Văn Đ và Võ Văn H mang theo số tiền dùng đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác.

Đối với các bị cáo Đặng Thị Y, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn Đ mặc dù không trực tiếp ngồi tụ, soa bài nhưng tham gia bắt cược tích cực mỗi bàn từ 30.000đ đến 50.000đ nên các bị cáo phải chịu vai trò đồng phạm thứ ba trong vụ án. Riêng bị cáo Đặng Thị Y tại phiên tòa hôm nay trình bày còn quanh co, cuối cùng mới thừa nhận hành vi của mình nên cần cân nhắc khi xem xét hình phạt.

*[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với các bị cáo Trương Thị L, Đặng Văn Đoàn, Võ Văn H, Trương Văn Hải E, Nguyễn Văn T mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải và gia đình có công cách mạng nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với các bị cáo Đặng Thị Y, Nguyễn Văn Đ mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Trần Văn Đ mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, bản thân bị cáo người có công cách mạng và người phạm tội đủ 70 tuổi trở lên nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định điểm i, o, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng ổn định, hơn nữa hoàn cảnh gia đình của bị cáo hết sức khó khăn. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà xử các bị cáo mức án cải tạo không giam giữ, như vậy cũng đủ cho các bị cáo tự cải tạo mình trở thành công dân có ích cho xã hội.

*[4] Về các biện pháp tư pháp:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên xử:

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu đã củ dùng để ngồi đánh bạc, 52 lá bài tây đã qua sử dụng và 01 bộ bài tây chưa sử dụng, 06 chiếc dép các loại.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền dùng để đánh bạc đã thu giữ được tổng cộng là 38.033.000đ.

Buộc Nguyễn Văn T nộp lại số tiền dùng để đánh bạc 600.000đ. Bị cáo đã nộp ở giai đoạn chuẩn bị xét xử xong.

Về khấu trừ thu nhập: Xét thấy các bị cáo Trương Thị L, Đặng Văn Đ, Võ Văn H, Trương Văn Hải E, Nguyễn Văn T, Đặng Thị Y, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn Đ không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[5] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đặng Văn Đ, Võ Văn H, Trương Văn Hải E, Nguyễn Văn T, Đặng Thị Y, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Đối với bị cáo Trương Thị L thuộc trường hợp diện hộ cận nghèo và Trần Văn Đ thuộc trường hợp người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí cho bị cáo L và bị cáo Đ.

[6] *Xét về quan điểm của Trợ giúp viên*: Là có cơ sở như đã được nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát*: Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội cho bị cáo, mức hình phạt, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1 - Căn cứ vào Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 260 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tuyên bố các bị cáo Trương Thị L, Đặng Văn Đ, Võ Văn H, Trương Văn Hải E, Nguyễn Văn T, Đặng Thị Y, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 và Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt các bị cáo:

Trương Thị L 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Trương Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Đặng Văn Đ 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Đặng



Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Võ Văn H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Võ Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trương Văn Hải E 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Trương Văn Hải E cho Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 và Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt các bị cáo:

Đặng Thị Y 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Đặng Thị Y cho Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 và Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Trần Văn Đ 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập: Xét thấy các bị cáo Trương Thị L, Đặng Văn Đ, Võ Văn H, Trương Văn Hải E, Nguyễn Văn T, Đặng Thị Y, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn Đ không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

2- Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu đã cũ dùng để ngồi đánh bạc, 52 lá bài tây đã qua sử dụng và 01 bộ bài tây chưa sử dụng, 06 chiếc dép các loại.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền dùng để đánh bạc đã thu giữ được tổng cộng là 38.033.000đ (ba mươi tám triệu không trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Các vật chứng và số tiền tịch thu nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số: 23/QĐ-VKS-HS ngày 09/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền dùng để đánh bạc 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền bị cáo đã nộp 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) theo lai thu số 02762 ngày 22/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy bị cáo T đã nộp đủ số tiền dùng để đánh bạc.

3- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Đặng Văn Đ, Võ Văn H, Trương Văn Hải E, Nguyễn Văn T, Đặng Thị Y, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Đối với bị cáo Trương Thị L và Trần Văn Đ thuộc diện hộ cận nghèo, người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Trương Thị L và Trần Văn Đ.

4- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/10/2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- Cơ quan CSĐT-CA huyện;
- CA huyện An Biên;
- THA huyện;
- Bị cáo;
- Những người TGGT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký và đóng dấu*

**Phạm Thanh Tâm**